

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2017/HSPT
Ngày: 08/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Dung

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Hùng Cường
2. Bà Lê Thị Kim Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Ái Dân- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSPT ngày 24/7/2017, do có kháng cáo của người bị hại Đỗ Văn B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Đ.

Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; Nơi đăng ký hộ thường trú: ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn P sinh năm 1940 và bà Hồ Thị N (chết), có vợ tên Đỗ Thị N, sinh năm 1971. Tiền sự, Tiền án: không;

Bị cáo được tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Nguyễn Hòa B- Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1971

2/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Đ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyễn Văn H là em rể của bà Đỗ Thị G và ông Đỗ Văn B cùng cư ngụ tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, nhà H cách nhà bà G khoảng 30m, cách nhà ông B khoảng 40m.

Vào khoảng 15 giờ ngày 29/10/2016, H đi uống rượu về nhà thì bà G đi ra trước sân cự cãi với H, bà G dùng tay đánh H nhưng không trúng, H gạt tay ra làm bà G té xuống đất mặt trúng vào một cục gạch ống nên bị chảy máu. Bà G la lên thì ông Đỗ Văn B ở trong nhà chạy ra, ông B cầm một đoạn cây gỗ trầm dài 1,4m đuổi theo H đến sân nhà H (tại chỗ chứa phân bò cách cửa nhà H khoảng 07m) đánh trúng đầu H một cái làm cây trầm bị gãy làm 02 đoạn. H bỏ chạy vào trong nhà, bà G và ông B tiếp tục nhốt đá tại chỗ chứa phân bò ném vào nhà H nhưng không trúng. Lúc này khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H ở trong nhà lấy một cây rựa dài 63cm, cán bằng gỗ dài 35cm, lưỡi bằng sắt dài 28cm, bản rộng 05cm đi ra chỗ ông B và bà G đang đứng. H cầm rựa bằng tay trái chém từ trên xuống về vị trí ông B đang đứng làm lưỡi rựa trúng vào đầu ông B, ông B liền chụp giắt được cây rựa thì H bỏ chạy đi. Ông B bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Sagero sau đó chuyển đến Bệnh viện 115 Thành phố H điều trị vết thương. Công an xã M đã đến hiện trường, thu giữ những vật chứng có liên quan gồm:

- 01 cái rựa cán bằng gỗ, lưỡi bằng thép. Cán rựa dài 35cm, lưỡi dài 28cm, ngang 05cm;

- 02 khúc cây gỗ trầm khô tròn: 01 khúc dài 90cm, 01 khúc dài 50cm, đường kính 04cm;

- 01 cục gạch ống dài 10cm, ngang 08cm.

Ngày 18/11/2016, ông Đỗ Văn B làm đơn tố cáo yêu cầu xử lý hình sự đối với H, Công an xã M đã bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của ông Đỗ Văn B làm căn cứ giải quyết.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 205 ngày 20/12/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Long An kết luận tình hình thương tích của Đỗ Văn B như sau:

- Sẹo vết thương vùng đỉnh phải kích thước 05cm x 01cm và sẹo xây xát kích thước 02cm x 0,5cm. Sẹo lành, còn đóng mài khô 01cm x 01cm. Không dấu lún sọ, không dấu thần kinh khu trú.

- CT Scan sọ não (không cản quang):

- + Mỡ bản sọ ngoài đỉnh phải kích thước 2,8cm.
- + Dày niêm mạc xoang hàm 2 bên.
- + Hiện chưa ghi nhận tổn thương nhu mô não trên phim.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 điểm b, p, đ khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn H 01 (Một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường bị hại tổng cộng là 15.885.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn H nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 2740 ngày 02/6/2017. Như vậy bị cáo phải nộp tiếp 885.000 đồng (Tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

Tang vật: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa cán bằng gỗ, lưỡi bằng thép. Cán rựa dài 35cm, lưỡi dài 28cm, ngang 05cm; 02 khúc cây gỗ tròn khô: 01 khúc dài 90cm, 01 khúc dài 50cm, đường kính 04cm; 01 cục gạch ống dài 10cm, ngang 08cm (tang vật do cơ quan thi hành án đang quản lý tại biên bản ngày 26/5/2017).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 22 tháng 06 năm 2017, bị hại Đỗ Văn B kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, dùng dao chém vào người ông B gây thương tích nhưng nguyên nhân là do bị đánh trước vào đầu gây chảy máu. Bị cáo xác định Tòa sơ thẩm xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, là đúng, không oan. Bị cáo không kháng cáo.

Người bị hại ông Đỗ Văn B trình bày: Do nghe tiếng kêu la của bà G khi bị Nguyễn Văn H đánh nên ông có chạy ra đỡ bà G dậy. Lúc này, bà G lấy khúc gỗ tròn gần đó đánh vào đầu của H. Sau đó, H chạy về nhà lấy rựa chém vào đầu ông gây thương tích là 14%. Ông kháng cáo yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với H và không đồng ý với mức bồi thường mà bản án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu H phải bồi thường số tiền là 42.439.000 đồng gồm: Tiền thuốc có hóa đơn: 5.285.000 đồng; Tiền thuốc không hóa đơn: 954.000 đồng; Tiền xe tái khám: 2.800.000 đồng; Tiền mất thu nhập do quá trình ông B điều trị và nghỉ dưỡng sức phải thuê người làm trong 59 ngày x 400.000 đồng = 23.600.000 đồng; tiền mất thu nhập của vợ

ông trong thời gian phải nghỉ để chăm sóc ông trong 49 ngày x 200.000 đồng = 9.800.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị G thống nhất lời trình bày của ông Đỗ Văn B về tình tiết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, không oan. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp một phần tiền khắc phục hậu quả theo điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS là có căn cứ. Riêng đối với tình tiết: Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 46 BLHS, cấp sơ thẩm xem là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là không có căn cứ do bị cáo phạm tội khi bản thân bị cáo đã có uống rượu trước đó, gây sự với bà G. Tuy nhiên, mức án 01 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt và tăng tiền bồi thường là không có căn cứ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, luật sư Nguyễn Hòa B phát biểu: Đối với tội danh mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, luật sư thống nhất không có ý kiến tranh luận. Về hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 46 BLHS là không có căn cứ vì bị cáo trước đó đã uống rượu, đến nhà bà G gây sự. Người đánh bị cáo là bà G, không phải ông B. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo H. Về phần trách nhiệm dân sự, ông B yêu cầu H phải bồi thường số tiền là 42.439.000 đồng gồm: tiền thuốc có hóa đơn: 5.285.000 đồng; Tiền thuốc không hóa đơn: 954.000 đồng; tiền xe tái khám: 2.800.000 đồng; tiền mất thu nhập do quá trình ông B điều dưỡng phải thuê người làm trong 59 ngày x 400.000 đồng = 23.600.000 đồng; tiền mất thu nhập vợ ông B do chăm sóc ông trong 49 ngày x 200.000 đồng = 9.800.000 đồng. Số tiền yêu cầu trên là có căn cứ, có đơn xác nhận của người ông B thuê làm công là Đỗ Thanh T. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của ông B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Xuất phát từ mâu thuẫn giữa ông B, bà G với bị cáo H, vào khoảng 15 giờ ngày 29/10/2016, H và bà G có cãi vã dẫn đến xô xát qua lại, sau khi bị đánh vào đầu bằng cây, H chạy vào nhà lấy một cây rựa chém từ trên xuống trúng vào đầu ông B, gây tổn hại 14% sức khỏe.

[2] Xét kháng cáo của ông B yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo có ý định tước đoạt tính mạng của ông B thấy rằng: Tuy giữa bị cáo, bà G và ông có mâu thuẫn trong lời khai về địa điểm bị cáo gây thương tích cho ông B, nhưng qua đối chiếu biên bản thu giữ vật chứng 2 đoạn cây nằm tại khu vực phân bờ, xác định vị trí H gây thương tích cho ông B là tại nơi chứa phân bò nhà H. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan và ấn định mức án 01 năm tù là phù hợp, đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả, phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

Bị cáo dùng dao chém ông B trên phần đất nhà bị cáo liền ngay sau khi bị đánh vào đầu làm cây tràm gãy đôi, bị cáo cũng chỉ chém ông B 1 nhát rồi dừng lại bỏ đi trong khi không bị ai ngăn cản và ông B cũng không phản ứng hay chống trả gì. Điều này chứng tỏ bị cáo chỉ chém ông B cho bõ tức vì bị đánh chứ không đủ căn cứ để quy kết bị cáo thực hiện hành vi với mục đích muốn giết ông B.

Luật sư bảo vệ cho ông B cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ Điểm đ Khoản 1 Điều 46 BLHS (phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra) là không đúng vì bị cáo đã có uống rượu trước đó và gây sự với bà G. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà G thừa nhận có dùng cây tràm đánh vào đầu bị cáo H, vì vậy, cho dù là ông B hay bà G là người đánh vào đầu bị cáo H thì hành vi đó vẫn là trái pháp luật, mặc dù chưa để lại thương tích cho bị cáo đến mức độ phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng vẫn là nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo. Do đó tiếp tục giữ nguyên tình tiết giảm nhẹ tại điểm đ Khoản 1 Điều 46 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo.

[3] Đối với yêu cầu về tăng bồi thường, ông B yêu cầu H phải bồi thường số tiền là 42.439.000 đồng.

Xét thấy, ông B yêu cầu tiền thuốc có hóa đơn: 5.285.000 đồng, tiền thuốc không hóa đơn: 954.000 đồng, mặc dù số tiền thuốc không có hóa đơn nhưng đều cùng là loại thuốc được ghi trong toa thuốc do Bác sĩ kê trong thời gian ông B điều trị nên cần chấp nhận thêm khoản tiền thuốc không hóa đơn 954.000 đồng.

Khoản tiền xe đi lại điều trị: Ông B yêu cầu 2.800.000 đồng cho 4 lượt đi về nhưng xét thấy ông B không nằm viện mà điều trị ngoại trú, qua đối chiếu thấy chỉ trùng thời điểm với 3 lần điều trị và tái khám được thể hiện trong hóa đơn, chứng từ nên chấp nhận 3 lần = 2.100.000 đồng (án sơ thẩm chấp nhận 1.600.000 đồng).

Khoản yêu cầu bồi thường mất thu nhập do quá trình ông B điều dưỡng phải thuê người làm trong 59 ngày x 400.000 đồng = 23.600.000 đồng: Xét thấy sau khi bị thương tích, ông B không phải nhập viện điều trị mà được cho về điều trị ngoại trú. Căn cứ tỷ lệ thương tích của ông B cùng với các hóa đơn tiền thuốc mà ông B cung cấp, hóa đơn sau cùng thể hiện việc ông B mua thuốc là vào ngày 11/11/2016 (cách ngày bị thương tích 13 ngày), do đó cần chấp nhận tiền mất thu nhập do không lao động được trong thời gian 30 ngày x 400.000 đồng = 12.000.000 đồng (án sơ thẩm chấp nhận 6.000.000 đồng).

Đối với yêu cầu bồi thường tiền thuê người làm trong 59 ngày là không có căn cứ vì ông B đã được bồi thường tiền mất thu nhập của ông do không lao động được.

Đối với yêu cầu của ông B đòi bồi thường tiền mất thu nhập vợ ông B do chăm sóc ông trong 49 ngày x 200.000 đồng = 9.800.000 đồng là không có cơ sở, vì ông B điều trị ngoại trú, và chỉ được bồi thường mất thu nhập 1 tháng (gồm cả thời gian 13 ngày điều trị ngoại trú), nên tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bồi thường cho vợ ông B 15 ngày công lao động là phù hợp.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường cho ông B là 23.339.000 đồng (tăng 7.454.000 đồng so với quyết định của bản án sơ thẩm).

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ về phần trách nhiệm dân sự; Giữ nguyên án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Đỗ Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số **56/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ** về phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 điểm b, p, đ khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho người bị hại 23.339.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp là 15.000.000đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 2740 ngày 02/6/2017 để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 417.000đồng (bốn trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC(1);
- VKSNDCC (1);
- VKSLA (1);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện(1);
- CA huyện(1);
- THADS huyện(1);
- Sở Tư pháp (1)
- Bị cáo (1);
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Kim Dung